

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HOA HƯỚNG DƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HOA HƯỚNG DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUNFLOWER CONSTRUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SUNFLOWER CONSTRUCTION AND TRADING CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2400919867

3. Ngày thành lập: 16/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Bản Tràng Bần, Xã Đồng Vương, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0912897266

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
2.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
3.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
4.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
6.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
7.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
8.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
9.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
10.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
11.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
12.	Sản xuất đồng hồ	2652
13.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
14.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
15.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
16.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
17.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
18.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
19.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
20.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733

Thời gian đăng từ ngày 16/09/2021 đến ngày 16/10/2021

21.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
22.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
23.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
24.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
25.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
26.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
27.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
28.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
29.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
30.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
31.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
32.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
33.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
34.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
35.	Sản xuất máy luyện kim	2823
36.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
37.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
38.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
39.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
40.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
41.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
42.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
43.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
44.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
45.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
46.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
47.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
48.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
49.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
50.	Xây dựng nhà để ở	4101
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102
52.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
53.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
54.	Xây dựng công trình điện	4221

55.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
56.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
57.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
58.	Xây dựng công trình thủy	4291
59.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
60.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
61.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
62.	Phá dỡ	4311
63.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
65.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
66.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
67.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
68.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
69.	Bán buôn thực phẩm	4632
70.	Bán buôn đồ uống	4633
71.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lã	4634
72.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
73.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
74.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
75.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
76.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
78.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
79.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
80.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim	4663(Chính)
81.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
82.	Bán buôn tổng hợp	4690
83.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lã chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
84.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
85.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
86.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
87.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
88.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lã trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

89.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
90.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
91.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
92.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
93.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
94.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
95.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
96.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
97.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
98.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
99.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
100.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
101.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
102.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
103.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
104.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
105.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
106.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
107.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
108.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
109.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
110.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
111.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
112.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
113.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
114.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
115.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
116.	Bốc xếp hàng hóa	5224

117.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
118.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
119.	Lập trình máy vi tính	6201
120.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
121.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
122.	Cho thuê xe có động cơ	7710
123.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
124.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
125.	Dịch vụ đóng gói	8292
126.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu những mặt hàng của doanh nghiệp kinh doanh; Ủy thác và nhận sự ủy thác của việc Xuất, nhập khẩu về hàng hóa.	8299
127.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
128.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
129.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất	7410
130.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động đo đạc bản đồ; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Thăm tra thiết kế, dự toán xây dựng; Khảo sát xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn lựa chọn nhà thầu; Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7110

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TÔ NGHĨA MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1969

Dân tộc: Sán Dìu

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 121026319

Ngày cấp: 05/06/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: Thôn Khuân Giàn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Khuân Giàn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang